

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP USA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP USA

Tên công ty viết bằng tiếng Anh: USA INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108377523

3. Ngày thành lập: 26/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 58, Ngõ Phan Nhân Phúc, Thôn Trăn Phúc, Huyện An Phú, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 0975511686

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất chì, tr chì	3240
2.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chế biến thực phẩm và đồ uống	3250
3.	Bán buôn nông sản	4633
4.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ gia dụng, rèm và đồ nội thất; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất khác; Bán buôn đồ chơi, hàng mĩ thuật và đồ thủ công mỹ nghệ; Bán buôn đồ trang trí, đồ lưu niệm và đồ khác	4649
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Nhóm này gồm: - Bán buôn gạch, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ khác; - Bán buôn sơn và vữa; - Bán buôn vật liệu xây dựng khác: cát, sỏi;	4663
7.	Sản xuất đồ chơi trẻ em	2011
8.	Sản xuất nhựa và cao su tổng hợp dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất nhựa dùng trong nông nghiệp:	2013(Chính)

9.	S n xu t kh c ch a c ph n vào u Chi ti t: S n xu t qu n o ch ng ch y và b o v an toàn, S n xu t qu n o ami ng (nh b b o v ch ng ch y), S n xu t m t n kh ga;	3290
10.	S n xu t, truy n t i và ph n ph i i n	3510
11.	S n xu t m ph m, xà ph ng, ch t t y r a, làm b ng và ch ph m v sinh	2023
12.	S n xu t thu c, ho d c và d c li u	2100
13.	S n xu t s m, l p cao su; p và t i ch l p cao su	2211
14.	S n xu t s n ph m t plastic	2220
15.	Khai th c, x l và cung c p n c	3600
16.	Thu gom r c th i kh ng c h i	3811
17.	Thu gom r c th i c h i	3812
18.	X l và ti u hu r c th i kh ng c h i	3821
19.	X l và ti u hu r c th i c h i	3822
20.	T i ch ph li u	3830
21.	X l nhi m và ho t ng qu n l ch t th i kh c Chi ti t: - Kh c c c v ng t và n c ng m t i n i b nhi m, v tr hi n t i ho c v tr c , th ng qua s d ng c c ph ng ph p c h c, ho h c ho c sinh h c; - Kh c c c nhà m y c ng nghi p ho c c c khu c ng nghi p, g m c nhà m y và khu h t nh n;	3900
22.	X y d ng nhà c c lo i	4100
23.	X y d ng c ng tr nh ng s t và ng b	4210
24.	Ph d	4311
25.	Chu n b m t b ng	4312
26.	L p t h th ng c p, tho t n c, l s i và i u hoà kh ng khí	4322
27.	Hoàn thi n c ng tr nh x y d ng	4330
28.	B n l l ng th c, th c ph m, u ng, thu c l , thu c lão chi m t tr ng l n trong c c c a hàng kinh doanh t ng h p	4711
29.	B n l th c ph m trong c c c a hàng chuy n doanh	4722
30.	B n l thi t b nghe nh n trong c c c a hàng chuy n doanh	4742
31.	B n l ng kim, s n, k nh và thi t b l p t kh c trong x y d ng trong c c c a hàng chuy n doanh	4752
32.	S n xu t g x y d ng	1622
33.	S n xu t s n ph m kh c t g ; s n xu t s n ph m t tre, n a, r m, r và v t li u t t b n	1629
34.	S n xu t s n ph m ch u l a	2391
35.	S n xu t b t ng và c c s n ph m t xi m ng và th ch cao	2395

36.	B n bu n t và xe c ng c kh c Chi ti t: B n bu n t và xe c ng c kh c lo i m i và lo i qua s d ng	4511
37.	B n bu n n ng, l m s n nguy n li u (tr g , tre, n a) và ng v t s ng Chi ti t: B n bu n th c, l a m , ng , h t ng c c kh c; B n bu n h t, qu c d u; B n bu n n ng l m s n nguy n li u kh c, ph li u, ph th i và s n ph m ph c s d ng cho ch n nu i ng v t.	4620
38.	S n xu t gi ng, t , bàn, gh	3100
39.	S n xu t d ng c th d c, th thao	3230
40.	B n bu n th c ph m	4632
41.	B n l i n gia d ng, gi ng, t , bàn, gh và n i th t t ng t , èn và b èn i n, d ng gia nh kh c ch a c ph n vào u trong c c c a hàng chuy n doanh	4759
42.	B n l s ch, b o, t p ch v n ph ng ph m trong c c c a hàng chuyên doanh	4761
43.	B n l thu c, d ng c y t , m ph m và v t ph m v sinh trong c c c a hàng chuy n doanh Chi ti t: B n l d ng c y t , m ph m và v t ph m v sinh trong c c c a hàng chuy n doanh	4772
44.	i l , m i gi i, u gi Chi ti t: i l , m i gi i (Tr u gi)	4610

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

M nh gi c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	L V N CHUY N	c m 5, X Th Xu n, Huy n an Ph ng, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	100.000	1.000.000.000	50,000	0010860194 6	
			T ng s	100.000	1.000.000.000	50,000		
2	NGUY N V N C NG	thôn minh hòa 4, Xã Minh Khai, Huy n Hoài c, Thành ph Hà N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	95.000	950.000.000	45,000	0010750192 39	
			T ng s	95.000	950.000.000	45,000		

3	NGUYỄN TH H NG LY	thôn minh hòa 4, Xã Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	C ph n ph thông	5.000	50.000.000	5,000	0011990070 08	
			T ng s	5.000	50.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* H và t n: NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Gi i t nh: Nam

Ch c danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/05/1975 D n t c: Kinh Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi y t ch ng th c c nh n: Thẻ căn cước công dân

S gi y ch ng th c c nh n: 001075019239

Ngày c p: 28/06/2018 N i c p: cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

N i ng k h kh u th ng tr : thôn minh hòa 4, Xã Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ch h i n t i: thôn minh hòa 4, Xã Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng ng k kinh doanh Thành phố Hà Nội